

ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI
Số: 28-LCT/HĐNN8

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 7 tháng 12 năm 1989

PHÁP LỆNH

Xử phạt vi phạm hành chính

Để đấu tranh phòng và chống các vi phạm hành chính, giữ vững trật tự xã hội, tăng cường kỷ luật Nhà nước, pháp chế xã hội chủ nghĩa, nâng cao hiệu lực quản lý của Nhà nước;

Căn cứ vào Điều 12 và Điều 100 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Pháp lệnh này quy định việc xử phạt việc vi phạm hành chính.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Vi phạm hành chính

Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân, tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm quy tắc quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm hình sự và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính.

Hội đồng bộ trưởng quy định các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước trong phạm vi thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh này.

Điều 2. Thẩm quyền quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức và biện pháp xử lý

1. Căn cứ vào luật, pháp lệnh, Hội đồng bộ trưởng quy định hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt và biện pháp hành chính khác áp dụng đối với từng loại hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước.

2. Các Bộ, Ủy ban Nhà nước và các cơ quan khác thuộc Hội đồng bộ trưởng, trong phạm vi chức năng, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm hướng dẫn thi hành các quy định của luật, pháp lệnh và văn bản của Hội đồng bộ trưởng về xử phạt vi phạm hành chính.

3. Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương, căn cứ vào văn bản của các cơ quan Nhà nước cấp trên và đặc điểm cụ thể của địa phương, quy định các hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý Nhà nước ở địa phương; hình thức xử phạt và các biện pháp cưỡng chế khác đối với các hành vi đó, trừ các hành vi đã được các cơ quan Nhà nước cấp trên quy định. Các quy định về hình thức xử phạt vi phạm hành chính và biện pháp hành chính khác của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc trung ương không được trái với các quy định của Pháp lệnh này.

Điều 3. Bảo đảm pháp chế xã hội chủ nghĩa trong xử phạt vi phạm hành chính

1. Không một cá nhân, tổ chức nào bị xử phạt vi phạm hành chính ngoài những căn cứ và thủ tục được pháp luật quy định.

2. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế và công dân phải nghiêm chỉnh tuân thủ những quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính.

3. Viện kiểm sát nhân dân kiểm sát việc tuân theo pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt, của các cơ quan, tổ chức khác và mọi công dân.

4. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức xã hội và mọi công dân có quyền giám sát, phát hiện và tố cáo những hành vi vi phạm pháp luật của cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 4. Nhiệm vụ đấu tranh phòng và chống vi phạm hành chính

1. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế có nhiệm vụ giáo dục mọi người thuộc cơ quan, tổ chức mình về ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân, điều kiện gây ra vi phạm hành chính trong cơ quan, tổ chức mình.

2. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải thường xuyên tổ chức thống kê, tổng kết thực tiễn về xử phạt vi phạm hành chính, đề ra những biện pháp đấu tranh phòng, chống vi phạm hành chính.

3. Mọi công dân đều có nghĩa vụ tích cực đấu tranh phòng, chống các vi phạm hành chính.

Điều 5. Các đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

1. Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra. Việc xử phạt vi phạm hành chính đối với người chưa thành niên được thực hiện theo quy định tại Điều 29 của Pháp lệnh này.

Quân nhân tại ngũ, quân nhân dự bị trong thời gian tập trung huấn luyện và những người thuộc lực lượng công an nhân dân, nếu thực hiện vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với các công dân khác; trong trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng một số loại giấy phép thì cơ quan xử phạt không trực tiếp xử phạt mà chuyển hồ sơ cho cơ quan, đơn vị nơi họ phục vụ hoặc nơi xảy ra vi phạm để xử lý theo Điều lệnh kỷ luật.

2. Các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội, tổ chức kinh tế (dưới đây gọi chung là tổ chức), nếu thực hiện vi phạm hành chính thì bị phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép theo quy định tại Điều 11 và các biện pháp hành chính khác quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này.

3. Cá nhân, tổ chức nước ngoài thực hiện vi phạm hành chính trên lãnh thổ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì bị xử phạt như đối với công dân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài được hưởng các quyền ưu đãi và miễn trừ ngoại giao, các quyền ưu đãi và miễn trừ lãnh sự và các quyền ưu đãi, miễn trừ khác theo pháp luật Việt Nam, theo các điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc công nhận thì việc xử lý vi phạm hành chính được giải quyết bằng con đường ngoại giao.

Điều 6. Nguyên tắc xử phạt vi phạm hành chính

1. Mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện kịp thời, xử lý công minh, nhanh chóng, theo đúng pháp luật.

2. Một vi phạm hành chính chỉ bị xử phạt một lần.

Một người thực hiện nhiều vi phạm hành chính thì bị xử phạt về từng vi phạm, nhưng tổng hợp hình thức phạt chung không được vượt quá mức cao nhất của mức xử phạt được pháp luật quy định áp dụng đối với vi phạm nặng nhất.

Nhiều người cùng thực hiện một vi phạm hành chính thì mỗi người vi phạm đều bị xử phạt.

3. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ vi phạm, nhân thân và những tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng để quyết định hình thức, mức xử phạt cá nhân hoặc tổ chức thực hiện vi phạm hành chính.

4. Không xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong khi mắc bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác làm mất khả năng nhận thức và khả năng điều khiển hành vi.

năng nhận thức hay khả năng điều khiển hành vi của mình.

Điều 7. Những tình tiết giảm nhẹ

Những tình tiết sau đây được coi là tình tiết giảm nhẹ :

1. Người thực hiện vi phạm hành chính đã ngăn chặn làm giảm bớt tác hại của vi phạm hoặc tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại ;
2. Vi phạm trong tình trạng bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người khác gây ra ;
3. Người vi phạm là phụ nữ có thai, người già yếu, người có bệnh hoặc tàn tật làm hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình.
4. Vi phạm vì hoàn cảnh đặc biệt khó khăn mà không do mình tự gây ra.
5. Vi phạm do trình độ lạc hậu.

Điều 8. Những tình tiết tăng nặng

Chỉ những tình tiết sau đây mới được coi là tình tiết tăng nặng:

1. Vi phạm có tổ chức ;
2. Vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm ;
3. Vi phạm gây thiệt hại lớn về tài sản ;
4. Xúi giục, lôi kéo người chưa thành niên vi phạm ;
5. Vi phạm trong tình trạng say do dùng rượu, bia hoặc các chất kích thích khác ;
6. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn hoặc hoàn cảnh thiên tai, dịch bệnh, dịch họa để vi phạm;
7. Vi phạm trước hoặc trong thời gian đang chấp hành quyết định xử phạt hành chính ;
8. Sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu vi phạm hành chính.

Điều 9. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính

1. Không xử phạt đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính, nếu quá một năm, kể từ ngày thực hiện vi phạm.
2. Đối với cá nhân thực hiện vi phạm pháp luật đã bị khởi tố, truy tố hoặc có quyết định đưa ra xét xử theo thủ tục tố tụng hình sự mà các cơ quan tiến hành tố tụng quyết định đình chỉ điều tra hoặc đình chỉ vụ án, nhưng nếu vi phạm pháp luật có dấu hiệu vi phạm hành chính thì thời hiệu xử phạt đối với cá nhân thực hiện vi phạm hành chính là ba tháng, kể từ khi có quyết định đình chỉ.
3. Trong thời hạn quy định tại khoản 1, khoản 2 của Điều này, nếu cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu được tính lại kể từ khi thực hiện vi phạm hành chính mới hoặc hành vi trốn tránh cản trở việc xử phạt chấm dứt.

Điều 10. Thời hạn để được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính

Người bị xử phạt vi phạm hành chính, nếu quá một năm kể từ ngày thi hành xong quyết định xử phạt hoặc từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt, nếu không tái phạm, thì được coi như chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Chương II

CÁC HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH KHÁC

Điều 11. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải chịu một trong các hình thức phạt chính sau đây :
 - a) Cảnh cáo ;

b) Phạt tiền.

2. Ngoài hình thức phạt chính, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính có thể phải chịu một trong các hình thức phạt bổ sung sau đây:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép (tước bằng lái các phương tiện giao thông, phương tiện vận tải, giấy phép kinh doanh hoặc các loại giấy phép khác).

b) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm.

Điều 12. Những biện pháp hành chính khác

1. Ngoài những hình thức xử phạt quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính có thể áp dụng đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính những biện pháp hành chính sau đây :

a) Buộc khôi phục lại tình trạng đã bị thay đổi do vi phạm hành chính gây ra hoặc buộc tháo dỡ công trình xây dựng trái phép ;

b) Buộc bồi thường thiệt hại trực tiếp do vi phạm hành chính gây ra đến 100.000 đồng ;

c) Buộc tiêu huỷ các văn hoá phẩm đồi trụy, vật phẩm có thể gây hại cho sức khoẻ con người ;

d) Đình chỉ hoạt động gây ô nhiễm môi trường sống, lây lan dịch bệnh, gây náo động làm mất sự yên tĩnh chung và yêu cầu thực hiện biện pháp khắc phục.

2. Điều kiện áp dụng những hình thức xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 11 của Pháp lệnh này và các biện pháp hành chính khác quy định tại khoản 1 Điều này đối với từng vi phạm hành chính được quy định trong các văn bản pháp luật có quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 13. Cảnh cáo

Cảnh cáo được áp dụng đối với cá nhân thực hiện vi phạm hành chính nhỏ, vi phạm lần đầu có tình tiết giảm nhẹ do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt quyết định bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác được quy định trong các văn bản pháp luật có quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 14. Phạt tiền

1. Phạt tiền từ 1.000 đồng đến 20.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính có tính chất đơn giản, rõ ràng, chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn về tài sản ; nếu vi phạm nhiều lần hoặc tái phạm thì phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng.

2. Phạt tiền từ 20.000 đồng đến 50.000 đồng đối với vi phạm hành chính không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 của Điều này.

3. Vi phạm hành chính trong các lĩnh vực an ninh quốc gia, sản xuất, lưu thông hàng hoá, tiền tệ, thuế, giá, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường sống, văn hoá, thông tin có nhiều tình tiết tăng nặng thì có thể phạt tiền trên 50.000 đồng.

Đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh tế thì mức phạt tiền có thể được tính từ 1 đến 3 lần trị giá hàng phạm pháp hoặc từ 1 đến 3 lần số trị giá hàng phạm pháp hoặc số lợi bất chính.

4. Mức phạt tiền cụ thể đối với từng loại vi phạm hành chính được quy định trong các văn bản pháp luật có quy định về xử phạt vi phạm hành chính.

5. Việc phạt tiền bằng ngoại tệ do Hội đồng bộ trưởng quy định.

Điều 15. Tước quyền sử dụng giấy phép

Tước quyền sử dụng giấy phép là thu hồi có thời hạn hoặc không thời hạn các giấy phép được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp khi cá nhân, tổ chức sử dụng giấy phép vi phạm quy tắc sử dụng giấy phép đó.

Điều 16. Tịch thu vật, tiền, phương tiện vi phạm

Tịch thu vật, tiền, phương tiện vi phạm là sung vào quỹ Nhà nước hàng, tiền, phương tiện và các vận dụng khác có liên quan trực tiếp đến vi phạm hành chính. Khi tịch thu vấn đề cho người vi phạm hoặc gia đình họ có điều kiện để sinh sống.

Không tịch thu vật, tiền, phương tiện thuộc sở hữu xã hội chủ nghĩa hoặc thuộc các hình thức sở hữu hợp pháp khác bị người vi phạm chiếm đoạt hoặc sử dụng trái phép.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH

Điều 17. Các cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền xử phạt

1. Các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính bao gồm :

- a) Ủy ban nhân dân các cấp ;
- b) Cơ quan cảnh sát, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, thuế vụ, quản lý thị trường, Trọng tài kinh tế và những cơ quan thực hiện các chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành ;
- c) Tòa án nhân dân các cấp.

2. Người đại diện cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử phạt thủ trưởng, phó thủ trưởng các cơ quan quy định tại Khoản 1 Điều này.

Cán bộ, chiến sĩ cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Hải quan, Kiểm lâm, Thuế vụ, Thanh tra viên thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành đang thi hành công vụ được xử phạt theo quy định của Pháp lệnh này.

Điều 18. Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt

1. Việc phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính giữa Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan Nhà nước và người có thẩm quyền ghi tại khoản 1 và khoản 2 Điều 17 của Pháp lệnh này, được quy định trong các văn bản có quyền về xử phạt vi phạm hành chính căn cứ vào loại hành vi và tính chất vi phạm.

2. Nếu vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền quy định xử phạt của nhiều cơ quan thì việc xử phạt do cơ quan đầu tiên thụ lý thực hiện.

Điều 19. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

1. Chiến sĩ Cảnh sát nhân dân, Bộ đội biên phòng, nhân viên Hải quan, Kiểm lâm, thuế vụ đang thi hành công vụ được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 20.000 đồng. Việc phạt tiền từ trên 20.000 đồng đến 50.000 đồng phải do thủ trưởng trực tiếp của những người có thẩm quyền quy định quyết định.

2. Chủ tịch ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn, trưởng công an phường được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 50.000 đồng.

3. Thanh tra viên thực hiện chức năng thanh tra Nhà nước chuyên ngành đang thi hành công vụ được phạt cảnh cáo, phạt tiền đến 100.000 đồng, tước quyền sử dụng một số loại giấy phép và áp dụng các biện pháp cưỡng chế khác quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này, trừ biện pháp buộc bồi thường thiệt hại.

4. Đội trưởng đội quản lý thị trường được phạt cảnh cáo, tước giấy phép kinh doanh, phạt tiền đến 500.000 đồng đối với vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh, thương nghiệp.